

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP, ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 195/TTr-SNN, ngày 03 tháng 02 năm 2016 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 121/STP-KSTT, ngày 27 tháng 01 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 05 thủ tục hành chính mới về lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản được công bố tại Quyết định số 334/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 3 năm 2013 về việc ban hành bộ thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Dương bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Cục kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; NN&PTNT ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP (N,V), Thùy, Thanh, Web;
- Lưu: VT. ✓



**CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Liêm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 420 /QĐ-UBND, ngày 24 tháng 02 năm 2016  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)



**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.**

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
<b>I. Lĩnh vực quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản</b>		
01.	Thủ tục kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.	1
02.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp giấy chứng nhận sắp hết hạn.	5
03.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên chứng nhận ATTP.	8
04.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an thực phẩm lĩnh vực Nông nghiệp đối với tổ chức	15
05.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an thực phẩm lĩnh vực Nông nghiệp đối với cá nhân	22

**Phần II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

**1. Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP nông lâm thủy sản đối với tổ chức.**

**Trình tự thực hiện**

Bước 1: Tổ chức đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm gửi 01 bộ hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị, Phòng kinh tế lập kế hoạch và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức.

Bước 3: Sau 03 ngày làm việc kể từ ngày tham gia đánh giá kiến thức về ATTP bằng bộ câu hỏi, Chi cục sẽ cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho những người đạt trên 80% số câu trả lời đúng trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

Bước 4: Tổ chức đến ngày hẹn trong phiếu, đến tại nơi nộp hồ sơ nhận kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail, mạng điện tử; qua đường bưu điện.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ**

+ **Thành phần hồ sơ:**

Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01a tại Phụ lục 4 thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương);

Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01b tại Phụ lục 4 của thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/ 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương);

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

+ **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 13 (mười ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- **Cơ quan thực hiện TTHC**

1  
*Buu*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận kiến thức ATTP.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** 30.000 đồng/giấy chứng nhận (Ba mươi nghìn đồng) theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)**

Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm tại Phụ lục 4-Mẫu 01a ban hành kèm theo (Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014)

Bản danh sách các đối tượng xin xác nhận kiến thức về ATTP tại Phụ lục 4-Mẫu 01b ban hành kèm theo Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)**

Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ tài Chính về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định số 4780/QĐ-BNN-QLCL, ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Phòng Kinh tế.....

Tên tổ chức.....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số  
..... cấp ngày ..... tháng ..... năm ....., nơi cấp  
.....

Địa chỉ:.....,  
Số điện thoại .....Số Fax .....  
E-mail .....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, chúng tôi/tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/tôi theo nội dung của tài liệu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

(Đính kèm danh sách)

....., ngày ..... tháng ... năm ....  
**Đại diện Tổ chức xác nhận**





## **2. Thủ tục cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP nông lâm thủy sản đối với cá nhân**

### **- Trình tự thực hiện**

Bước 1: Cá nhân đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP gửi 01 bộ hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị, Phòng Kinh tế lập kế hoạch và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho cá nhân.

Bước 3: Sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tham gia đánh giá kiến thức về ATTP bằng bộ câu hỏi, Phòng Kinh tế sẽ cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho cá nhân đạt trên 80% số câu trả lời đúng trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

**- Cách thức thực hiện:** Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail, mạng điện tử; qua đường bưu điện.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### **+ Thành phần hồ sơ:**

Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (theo Mẫu số 01a tại Phụ lục 4 thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương);

Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân.

#### **+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

**- Thời hạn giải quyết:** 13 (mười ba) ngày làm việc kể từ nhận hồ sơ.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân

#### **- Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận kiến thức ATTP.

**- Phí, lệ phí (nếu có):** 30.000 đồng/giấy chứng nhận (Ba mươi nghìn đồng) theo Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013.

#### **- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)**

Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm tại Phụ lục 4-Mẫu 01a ban hành kèm theo (Thông tư 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)**

Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

Nội dung kiến thức về an toàn thực phẩm bao gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC**

Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ tài Chính về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định số 4780/QĐ-BNN-QLCL, ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



**Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Phòng Kinh tế.....

Họ và tên cá nhân .....

Giấy chứng minh nhân dân số ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....,  
nơi cấp .....

Địa chỉ:....., Số điện thoại .....

Số Fax ..... E-mail .....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

....., ngày ..... tháng ... năm ....

**Ký tên**

*buu*

### **3. Thủ tục kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.**

#### **- Trình tự thực hiện**

Bước 1: Cơ sở nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Bước 2: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ Phòng kinh tế phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị được phân công thực hiện thành lập đoàn kiểm tra, phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện, hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

Bước 4: Tổ chức hoặc cá nhân, đến ngày hẹn trong phiếu, đến tại nơi nộp hồ sơ nhận kết quả. Nếu không cấp Giấy chứng nhận ATTP trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**- Cách thức thực hiện:** Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail, mạng điện tử; qua đường bưu điện.

#### **- Thành phần, số lượng hồ sơ**

##### **+ Thành phần hồ sơ:**

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên); bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

Bản thuyết minh về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở theo phụ lục VII ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên).

Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh);

Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh);

##### **+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

**- Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**- Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

Bản thuyết minh về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở theo phụ lục VII ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

- **Phí, lệ phí**

+ **Phí:**

Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000đ/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính).

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng /tháng: 3.000.000 đồng/cơ sở.

- Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính).

+ Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 1.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng /tháng: 1.500.000 đồng/cơ sở.

+ **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000đ/lần cấp (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC**

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực kết quả là 3 năm.

**- Điều kiện thực hiện TTHC: Không**

**- Căn cứ pháp lý của TTHC**

Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ tài Chính, Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định 471/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: Phòng Kinh tế.....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
  - .....
  2. Mã số (nếu có): .....
  3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
  - .....
  4. Điện thoại..... Fax..... Email.....
  5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập: số.....  
ngày cấp....., cơ quan cấp.....
  6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....
- Đề nghị Phòng Kinh tế..... cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

**Hồ sơ gửi kèm:**

-  
-  
-  
...

**Đại diện cơ sở**

011  
*Buu*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm .....

**BẢN THUYẾT MINH**

**Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

2. Mã số (nếu có): .....

3. Địa chỉ: .....

4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước  DN 100% vốn nước ngoài

DN liên doanh với nước ngoài  DN Cổ phần

DN tư nhân  Khác

(ghi rõ loại hình)

6. Năm bắt đầu hoạt động: .....

7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: .....

.....

8. Công suất thiết kế: .....

9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):

.....

.....

.....

10. Thị trường tiêu thụ chính: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



## II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

## III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

### 1. Nhà xưởng, trang thiết bị:

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m<sup>2</sup>, trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm:..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh:..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực đóng gói thành phẩm:..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm:..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác:..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

### 2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

### 3. Hệ thống phụ trợ:

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng  Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có  Không

Phương pháp xử lý: .....

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất  Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá: .....

### 4. Hệ thống xử lý chất thải:

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý: .....

### 5. Người sản xuất, kinh doanh:

- Tổng số: ..... người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: .....người.

+ Lao động gián tiếp: ..... người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

#### 6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ..... người; trong đó ..... của cơ sở và ..... đi thuê ngoài.

#### 7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

#### 8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

.....

#### 9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở  Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích: .....

.....  
- Thuê ngoài  Tên những PKN gửi phân tích: .....

#### 10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

**4. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn.**

**- Trình tự thực hiện**

Bước 1: Trước 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn, Cơ sở nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Bước 2: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ Phòng Kinh tế phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận hồ đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị được phân công thực hiện thành lập đoàn kiểm tra, phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện, hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

Bước 4: Tổ chức hoặc cá nhân, đến ngày hẹn trong phiếu, đến tại nơi nộp hồ sơ nhận kết quả. Nếu không cấp giấy chứng nhận ATTP trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**- Cách thức thực hiện:** Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail, mạng điện tử; qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**

**+ Thành phần hồ sơ**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên); bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

Bản thuyết minh về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở theo phụ lục VII ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên).


Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh);

Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất kinh doanh);

**+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)**

**- Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**- Cơ quan thực hiện TTTC**

18  


- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Phòng Kinh tế
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Các cơ sở sản xuất kinh doanh.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

Bản thuyết minh về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở theo phụ lục VII ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

**- Phí, lệ phí (nếu có)**

**+ Phí:**

Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000đ/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính).

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu  $\leq$  100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu  $>$  100 triệu đồng /tháng: 3.000.000 đồng/cơ sở.

- Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính).

+ Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu  $\leq$  100 triệu đồng/tháng: 1.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu  $>$  100 triệu đồng /tháng: 1.500.000 đồng/cơ sở.

**+ Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000đ/lần cấp (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC**

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực kết quả là 3 năm.

**- Điều kiện thực hiện TTHC: Không**

**- Căn cứ pháp lý của TTHC**

Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ tài Chính, Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định 471/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: Phòng Kinh tế .....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

2. Mã số (nếu có): .....

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

4. Điện thoại .....Fax ..... Email.....

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập: .....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....

Đề nghị Phòng Kinh tế cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại: .....

**Hồ sơ gửi kèm:**

-

-

-

...

**Đại diện cơ sở**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm .....

**BẢN THUYẾT MINH**

**Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ: .....
4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh  
DN nhà nước  DN 100% vốn nước ngoài   
DN liên doanh với nước ngoài  DN Cổ phần   
DN tư nhân  Khác   
(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động: .....
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: .....
8. Công suất thiết kế: .....
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): .....
10. Thị trường tiêu thụ chính: .....

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

**III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**1. Nhà xưởng, trang thiết bị**

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m<sup>2</sup>, trong đó:

19  
*Buu*

- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm: ..... m2
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh: ..... m2
- + Khu vực đóng gói thành phẩm: ..... m2
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: ..... m2
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác: ..... m2
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

## 2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

## 3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng

Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có

Không

Phương pháp xử lý: .....

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất

Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá: .....

## 4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý: .....

## 5. Người sản xuất, kinh doanh

- Tổng số: ..... người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: ..... người.

+ Lao động gián tiếp: ..... người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

## 6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ..... người; trong đó ..... của cơ sở và ..... đi thuê ngoài.

**7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:**

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

**8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)**

**9. Phòng kiểm nghiệm**

- Cửa cơ sở  Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích: .....

.....

- Thuê ngoài  Tên những PKN gửi phân tích: .....

.....

**10. Những thông tin khác**

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

21  
*Kieu*

**5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên chứng nhận ATTP.**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Cơ sở nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Bước 2: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ Phòng Kinh tế tiến hành kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận ATTP (Trường hợp không cấp phải có phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

**- Cách thức thực hiện:** Gửi văn bản trực tiếp; Fax, E-mail, mạng điện tử; qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**

**+ Thành phần hồ sơ:**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc.

**- Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Phòng Kinh tế

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Các cơ sở sản xuất kinh doanh.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

**- Phí, lệ phí (nếu có)**

**+ Phí:**

Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000đ/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính).

**+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:** 1.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu  $\leq$  100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu  $>$  100 triệu đồng /tháng: 3.000.000 đồng/cơ sở.

- Phí kiểm tra định kỳ cơ sở sản xuất thực phẩm nông sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính).

+ Cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu  $\leq$  100 triệu đồng/tháng: 1.000.000 đồng/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu  $>$  100 triệu đồng /tháng: 1.500.000 đồng/cơ sở.

**+ Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000đ/lần cấp (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính).

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC**

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu trùng với giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cũ.

**- Điều kiện thực hiện TTHC: Không**

**- Căn cứ pháp lý của TTHC**

Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

Thông tư 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ tài Chính, Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định 471/QĐ-BNN-QLCL, ngày 06/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: Phòng Kinh tế .....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

2. Mã số (nếu có): .....

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

4. Điện thoại .....Fax ..... Email.....

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập: .....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:.....

Đề nghị Phòng Kinh tế cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp lại: .....

**Hồ sơ gửi kèm:**

-  
-  
-  
...

**Đại diện cơ sở**